

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-KĐCLGDTL ngày 02 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 21 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa cho Trường Đại học Văn hóa Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHVHHN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Phí Thị Nguyệt Thanh



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

*(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,40	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	3	3,80	4	80
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3.94	44	88%



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**
*Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định cụ thể, được cập nhật theo từng giai đoạn phát triển, cơ bản phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT đã thể hiện được phần kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ mà người học cần đạt được khi hoàn thành CTĐT, một số chuẩn đầu ra có thể đo lường đánh giá được. Chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, điều chỉnh và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, được lưu trong hồ sơ về CTĐT tại Khoa và Phòng Quản lý đào tạo.

2. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật có đầy đủ các nội dung, thông tin. Đề cương chi tiết của học phần được ban hành theo mẫu chung và được rà soát, bổ sung và cập nhật thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra, kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, được đăng tải trên hệ thống quản lý đào tạo và phổ biến tới người học trong buổi học đầu tiên của học phần.

3. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh theo hướng dẫn và được thiết kế theo mục tiêu và chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được phát triển phù hợp đào tạo ngành Quản lý văn hóa với các chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật, Tổ chức sự kiện văn hóa, Chính sách văn hóa và Quản lý nghệ thuật, Quản lý di sản văn hóa, đáp ứng yêu cầu số lượng tín chỉ. Các học phần trong chương trình dạy học được thiết kế cơ bản có sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, giúp người học vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn để tổ chức và điều hành hoạt động Quản lý văn hóa. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp. Chương trình dạy học khi rà soát, cập nhật có tham khảo ý kiến một số bên liên quan và chương trình dạy học tương ứng của một số trường đại học trong nước và nước ngoài.

4. Triết lý giáo dục được tuyên bố trong Chiến lược phát triển Trường và được hiện thực hóa trong CTĐT, cán bộ, giảng viên, người học hiểu rõ và thực hiện. Các hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, các học phần liên quan tới thực hành, thực tế, thực tập nghề nghiệp được bố trí trong chương trình dạy học giúp người học rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, người học hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên.

5. Trường ban hành khá đầy đủ quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học trong đó quy định rõ trọng số đánh giá chuyên cần, đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường, công thông tin sinh viên, phổ biến cho người học vào đầu khóa học và buổi học đầu tiên của học phần. Người học hài lòng với phản hồi kết quả đánh giá và việc phúc khảo được xử lý, giải quyết kịp thời và công bằng.

6. Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thể hiện trong các văn bản của Trường, được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Tỷ lệ sinh viên chính quy/01 giảng viên quy đổi bảo đảm theo quy định. Khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh, làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên được thực hiện theo quy định. Thực hiện đánh giá giảng viên trong cả quá trình và giám sát việc đánh giá khá chặt chẽ, khách quan, công bằng. Công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện dựa trên nhu cầu phát triển của Trường, của bộ môn và nhu cầu của từng giảng viên, nghiên cứu viên. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường thể chế bằng văn bản và triển khai thực hiện tốt. Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học, giảng viên đã thực hiện đầy đủ các loại hình nghiên cứu khoa học như đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, biên soạn sách được xuất bản, đăng bài báo trên tạp chí nước ngoài, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải và báo cáo tham luận tại hội thảo trong nước và quốc tế.

7. Mục tiêu phát triển đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ ràng, cụ thể trong chiến lược phát triển Trường, được triển khai thực hiện, đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu công việc. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định, được cụ thể hóa qua các tiêu chí (yêu cầu về trình độ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ, yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ). Việc đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ và chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên được tiến hành có quy trình, có tính đến nhu cầu cá nhân và yêu cầu công việc. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện có hệ thống, có quy trình.

8. Các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học được xác định rõ ràng, được rà soát và đánh giá hằng năm. Nhà trường đã ban hành khá đầy đủ các quy định và quy trình về giám sát sự tiến bộ của người học. Trường có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho người học, triển khai thực hiện đa dạng các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập, tư vấn việc làm. Trường có môi trường tâm lý, xã hội, không khí làm việc, học tập thân thiện, môi trường sư phạm tốt, giữ gìn cảnh quan xanh, sạch đẹp, bảo đảm các điều kiện an ninh, an toàn.

9. Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức

năng với đầy đủ các trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện có không gian đẹp, thân thiện, có trang thiết bị, máy móc cùng phần mềm hiện đại, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện, có đủ học liệu theo đề cương học phần, có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (SIERRA, Dspace). Hệ thống phòng thực hành tin học, phòng thực hành thông minh đa năng, nhà văn hóa được trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đầy đủ máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trực tuyến. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo các quy định hiện hành và được triển khai thực hiện trên cơ sở các quy trình do Trường ban hành, được các đơn vị chuyên môn kiểm tra, giám sát.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin được thiết lập phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được ban hành, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được thực hiện. Giảng viên của Khoa/Bộ môn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nội dung ứng dụng vào giảng dạy. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định cụ thể, được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học và phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Thực hiện thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Trường đã xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm, xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được quan tâm thực hiện.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát lại mục tiêu của CTĐT bổ sung thêm định hướng đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, biểu đạt lại nội dung mục tiêu nhằm làm nổi bật năng lực hội nhập “với hệ thống giáo dục đại học trong khu vực” trong tầm nhìn của Nhà trường; bổ sung chuẩn đầu ra chuyển tải được nội dung mục tiêu PO3 của CTĐT, thiết kế riêng biệt các

chuẩn đầu ra kiến thức của từng chuyên ngành, chi tiết hóa chuẩn đầu ra kỹ năng phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động; xây dựng thêm các chuẩn đầu ra kỹ năng theo hướng dẫn của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, điều chỉnh thang đo chuẩn đầu ra kiến thức để có thể đo lường đánh giá được; xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực số theo quy định Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng các học phần về năng lực số, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin; tham khảo triết để ý kiến đóng góp của các bên liên quan thông qua các lần khảo sát vào việc cải tiến, đổi mới chuẩn đầu ra CTĐT, tăng cường công khai chuẩn đầu ra của CTĐT qua các kênh thông tin khác nhau nhằm lấy ý kiến phản hồi để chuẩn đầu ra của CTĐT ngày càng đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Thiết kế và sử dụng bản mô tả CTĐT như một tài liệu hoàn chỉnh và súc tích để công khai và cung cấp thông tin về CTĐT cho từng bên liên quan; tập huấn cho các khoa và giảng viên về việc xây dựng CTĐT, bản mô tả CTĐT, ma trận liên hệ giữa học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT để bổ sung, hoàn chỉnh các nội dung cần thiết; bổ sung thêm đề cương chi tiết học phần Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp và cụ thể hóa phương pháp giảng dạy trong đề cương chi tiết; thực hiện quy đổi giờ học trong đề cương chi tiết học phần bảo đảm độ chính xác về số giờ lý thuyết, thực hành và tự học theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đa dạng hơn các hình thức truyền thông về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần, định kỳ khảo sát các đối tượng liên quan để thu thập ý kiến phản hồi về mức độ thuận lợi đối với từng nhóm đối tượng để có những phương thức truyền thông và quảng bá phù hợp và hữu hiệu hơn.

3. Quy định một cách cụ thể hơn việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra đánh giá học phần để bảo đảm việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT được thực hiện đồng bộ; khẳng định quan điểm nhất quán về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, cùng với thể hiện rõ sự tương thích có định hướng từ chuẩn đầu ra CTĐT tới chuẩn đầu ra học phần để bảo đảm các học phần đều đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá vào chuẩn đầu ra của các học phần để bảo đảm sự chuẩn xác, khoa học; sắp xếp học phần Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam, Ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo tồn di sản là những học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa; xây dựng bảng đối sánh về hệ thống kiến thức, phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập, ... giữa các CTĐT tương ứng tiên tiến trong nước và quốc tế, trên cơ sở đó chỉ rõ những vấn đề mà CTĐT tham khảo, tích hợp trong quá trình rà soát, cập nhật.

4. Xây dựng các tài liệu hướng dẫn, tổ chức các hội thảo tập huấn về việc chuyển tải tinh thần của triết lý giáo dục vào việc xây dựng và phát triển CTĐT, vào mỗi phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học; yêu cầu giảng viên ghi rõ cụ thể các phương pháp giảng dạy trong

đề cương chi tiết học phần, khuyến khích các giảng viên áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy tiên tiến phù hợp với đặc thù CTĐT, tập trung vào việc học tương tác, liên ngành và trải nghiệm, với các phương pháp dạy học nghiên cứu tình huống và thực địa, ứng dụng AI, LMS, tích hợp kỹ thuật số và phương tiện truyền thông; tăng cường hoạt động dạy học qua thực tế, hoạt động dạy học theo dự án, ... để rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng ứng xử, chú trọng rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cho người học; có chiến lược và cơ chế để mở rộng hợp tác quốc tế, giao lưu, trao đổi học thuật và sinh viên; tăng cường gắn kết với các doanh nghiệp, đối tác để phát triển quan hệ hợp tác toàn diện, từ giảng dạy (đi thực tế, báo cáo viên chuyên đề, thỉnh giảng, ...) đến thực tập - thực tế; ghi cụ thể chi tiết hướng dẫn tự học và kiểm tra đánh giá hoạt động tự học của người học đối với hoạt động tự học, trong đề cương chi tiết học phần.

5. Thiết kế các hình thức đánh giá phù hợp với nội dung học phần và chuẩn đầu ra học phần, tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi tiếp cận khoa học khảo thí hiện đại để đánh giá được năng lực người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần đã công bố; rà soát và hoàn thiện các rubric đánh giá để bảo đảm lượng hóa, tính khoa học, cụ thể; sớm xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện đánh giá mức độ hài lòng và định kỳ rà soát, điều chỉnh các quy định đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với nội dung tính chất của học phần và của CTĐT; tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên về kỹ thuật thiết kế đề thi, đáp án, ma trận đề thi kết thúc học phần và các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra, áp dụng triệt để khoa học đo lường và đánh giá để thực hiện rà soát, đánh giá các kết quả thi để đánh giá được độ tin cậy của đề thi, làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đề thi; thực hiện phân tích, đánh giá đề thi thường xuyên để đa dạng hóa, phong phú hơn các hình thức đánh giá kết quả và tiến bộ của người học cuối học phần; tích hợp các thông tin phản hồi kết quả đánh giá người học trong một văn bản chung và quy định rõ việc giảng viên phản hồi thường xuyên trong quá trình dạy và học để người học có thể cải thiện kết quả học tập kịp thời; từng bước tích hợp quy trình giải quyết thắc mắc về kết quả học tập vào hệ thống phần mềm quản lý học tập của Trường và giám sát chặt chẽ việc thực hiện phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập tới người học vào đầu khóa, đầu kỳ học, đặc biệt là buổi đầu tiên của các học phần.

6. Phân tích kỹ hơn nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng nội dung về phát triển nguồn nhân lực trong các kế hoạch/chiến lược của Trường; tăng cường chính sách thu hút để tuyển được giảng viên có đạo đức và năng lực chuyên môn cao (Tiền sĩ, Phó Giáo sư và Giáo sư) và uy tín trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học để làm nòng cốt cho Khoa trong phát triển CTĐT; mở rộng nội dung đánh giá, nhằm tạo sự khuyến khích phù hợp đối với những hoạt động phát triển CTĐT, hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; quy định tiêu chí và điểm cụ thể để đánh giá năng lực đóng góp, phục vụ cộng đồng của giảng viên; hoàn thiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên phục vụ cho công tác quản trị, quản lý, báo cáo, theo dõi chung; hoàn thiện bộ chỉ số (KPI) cụ thể, rõ

ràng để đánh giá phân loại giảng viên, nghiên cứu viên; tăng cường tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng cho giảng viên về phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, viết giáo trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá hướng đến đạt chuẩn đầu ra của học phần; xây dựng đa dạng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác, có các chính sách hỗ trợ và thu hút hợp tác để đồng thực hiện các nhóm đề tài nghiên cứu các cấp, nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên hàng năm; thực hiện khảo sát giảng viên/nghiên cứu viên, các bên liên quan về công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động thi đua khen thưởng. Từ đó có kết quả đánh giá nhiều khía cạnh và cải tiến các hoạt động này được tốt hơn.

7. Rà soát, cập nhật, cải tiến và xây dựng đầy đủ các văn bản nội bộ trong việc quản lý, phát triển đội ngũ nhân viên để thể hiện tính đặc thù và phát huy tính tự chủ của Trường; xác định rõ ràng năng lực đội ngũ nhân viên và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên có tính định lượng cao, dễ đo lường; tổng kết, đánh giá hiệu quả theo chu trình PDCA đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; rà soát tổ chức nhiều hơn các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ gắn với yêu cầu của công việc của nhân viên, đặc biệt là về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ngoại ngữ dành cho đội ngũ nhân viên.

8. Tăng cường và đổi mới phương thức thu thập ý kiến góp ý của các bên liên quan ngoài trường về các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học để có sự điều chỉnh phù hợp; rà soát hệ thống văn bản quy định giám sát sự tiến bộ của người học để cập nhật, điều chỉnh kịp thời và phù hợp; nâng cấp tốc độ đường truyền cho hệ thống quản lý đào tạo giúp người học truy cập được thuận lợi hơn; tổ chức tổng kết đánh giá để có căn cứ cải tiến các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được hiệu quả hơn; nghiên cứu bố trí bổ sung không gian học tập mở phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của người học và thiết kế bộ câu hỏi khảo sát về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan với các tiêu chí sâu hơn nhằm đánh giá được chính xác hơn.

9. Có kế hoạch sắp xếp phòng làm việc cho giảng viên bảo đảm theo quy định hiện hành tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT; rà soát quy định hướng dẫn viết giáo trình, tài liệu để ban hành hướng dẫn biên soạn giáo trình theo đề cương học phần bảo đảm thống nhất chung trong toàn Trường theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT; tách riêng kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của thư viện về các nguồn học liệu cho từng CTĐT; khảo sát sự hài lòng của giảng viên, người học về mức độ phù hợp để có đủ cơ sở cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thực hành chuyên ngành; rà soát, xây dựng phần mềm quản trị đại học tổng thể để đồng bộ quản lý được các hoạt động trong toàn trường, thuận lợi cho việc chiết xuất dữ liệu báo cáo thống kê; có kế hoạch xây dựng bài giảng e-learning đáp ứng với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học; rà soát các câu hỏi khảo sát lấy ý kiến của giảng viên, nhân viên và sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin, phù hợp với từng đối tượng hỏi và từng ngành học bảo đảm thu được thông tin hữu ích để cải tiến chất lượng; xây dựng văn bản quy định các tiêu chí về môi

trường, sức khỏe và an toàn do Nhà trường ban hành; rà soát và điều chỉnh bộ câu hỏi phản hồi lấy ý kiến của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn (đặc biệt lưu ý tới đối tượng là người khuyết tật).

10. Thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường với số lượng nhiều hơn khi xây dựng/rà soát CTĐT; sớm ban hành quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; định kỳ tổ chức phân tích, đánh giá về sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra; quan tâm khuyến khích giảng viên kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành và nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy - học và đánh giá kết quả học tập; ban hành kế hoạch cải tiến tổng thể các hoạt động sau khảo sát các bên liên quan và thực hiện giám sát, tổng kết đánh giá hoạt động cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học. Trên cơ sở đó xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu hướng tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, cải tiến phù hợp; phân tích, đánh giá kết quả đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT có việc làm trong nội bộ cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực để đề xuất những giải pháp phù hợp cho hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và hỗ trợ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; lựa chọn một số cơ sở giáo dục có cùng ngành đào tạo cho hoạt động đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học để cải tiến, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở dữ liệu của hoạt động đối sánh và mức độ hài lòng của các bên liên quan, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.